KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi nhiều ngân hàng công bố kết quả kinh doanh Q1/2022 khả quan

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL tăng điểm mạnh vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30 nhờ lực cầu quay trở lại

[Thông tin doanh nghiệp]
HPG, SAB

[Cập nhật công ty]
GEG

[Quan điểm đầu tư]
Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đối với các cố phiếu mục tiêu

27/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,353.77	+0.93
VN30	1,402.03	+0.37
HĐTL VN30F1M	1,401.00	+0.72
HNXIndex	357.09	+3.45
HNX30	632.55	+4.57
UPCoM	101.37	+0.22
USD/VND	22,976	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.01	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.33	-8
Dầu (WTI, $)	101.77	+0.07
Vàng (LME, $)	1,893.07	-0.65

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,353.77 (+0.93%)**
KLGD (triệu CP)	**519.6 (-18.7%)**
GTGD (triệu U$)	**633.0 (-30.8%)**
HNXIndex	**357.09 (+3.45%)**
KLGD (triệu CP)	**86.9 (-17.1%)**
GTGD (triệu U$)	**61.3 (-24.9%)**
UPCoM	**101.37 (+0.22%)**
KLGD (triệu CP)	**40.3 (-24.7%)**
GTGD (triệu U$)	**26.6 (-29.2%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	**-11.9**

TTCK Việt Nam tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi nhiều ngân hàng công bố kết quả kinh doanh Q1/2022 khả quan. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) cho biết sẽ tăng cường chính sách tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế giúp giá dầu tăng, tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm dầu khí ở BSR (+6.4%), PVS (+1.7%). Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thuỷ sản Việt Nam dự báo giá trị xuất khẩu thủy sản quý II tiếp tục tăng tới khoảng 2.8 – 2.9 tỷ USD, tăng khoảng 23-24% so với quý II năm ngoái và cao hơn mức 2.5 tỷ USD trong Q1/2022 giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở VHC (+7%), ANV (+6.9%). Khối ngoại bán ròng ở VND (-1%), DXG (+3.8%), DIG (+7%).

VNIndex & HNXIndex

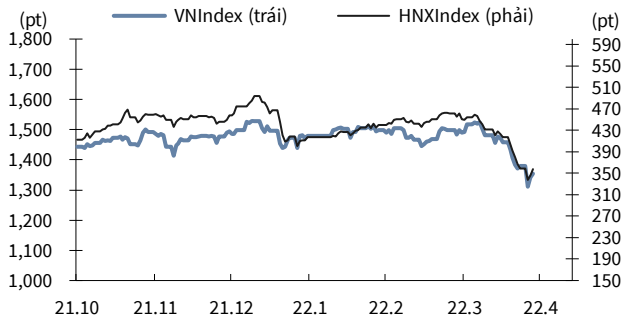

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

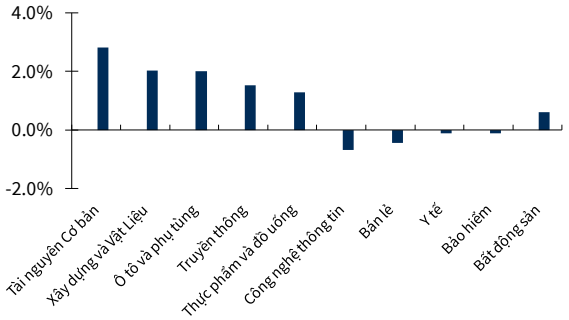

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

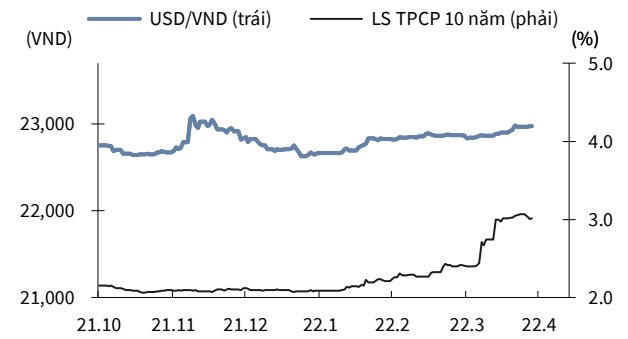

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**1,402.03 (+0.37%)**
VN30F1M	**1,401.0 (+0.72%)**
Mở cửa	**1,379.0**
Cao nhất	**1,406.0**
Thấp nhất	**1,358.1**
KLGD (HĐ)	**307,112 (-22.2%)**

Các HĐTL tăng điểm mạnh vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30 nhờ lực cầu quay trở lại. Chênh lệch F2205 và chỉ số VN30 giảm mạnh trong đầu phiên sáng xuống mức thấp nhất -23.6 điểm sau đó đột ngột đào chiều và biến động quanh mức -3.64 điểm trước khi đóng cửa tại mức -1.03 điểm. Khối ngoại bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường dù giảm so với phiên hôm qua nhưng vẫn ở mức cao.

HĐTL VN30F1M & VN30

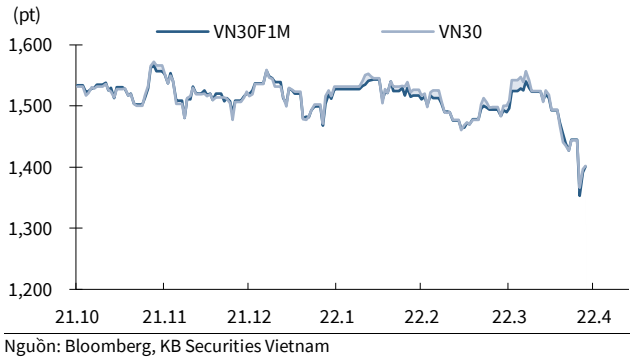

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

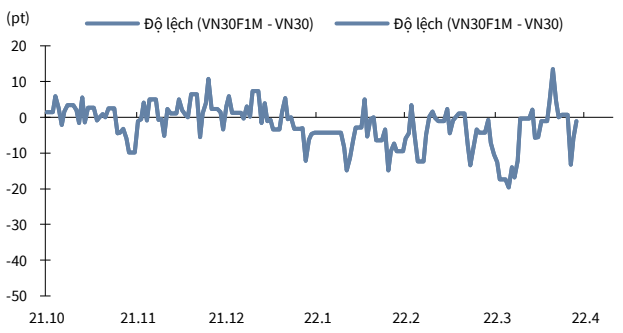

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

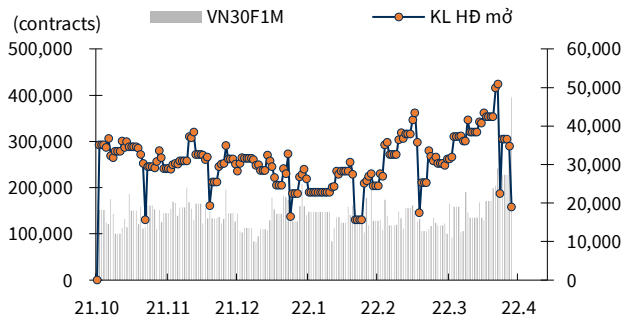

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

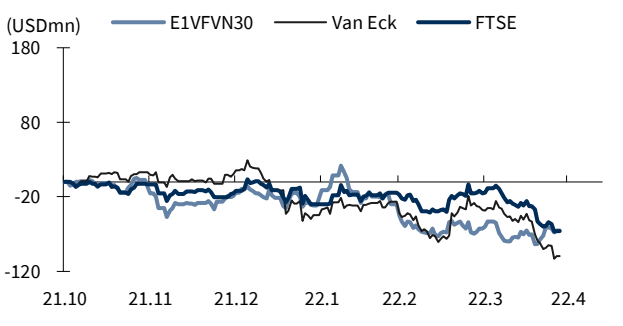

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

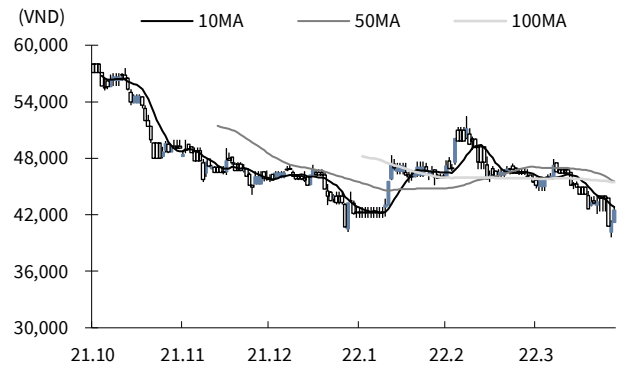

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 3.16% lên 42,500 VND/cp

- V#DailyFocusTextLightTập đoàn Hòa Phát công bố quý đầu năm với lợi nhuận sau thuế 8,200 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước và doanh thu 44,400 tỷ đồng, tăng 41% YoY. Trong quý, Hòa Phát đã sản xuất 2.16 triệu tấn thép thô (+8% YoY) và sản lượng bán hàng thép xây dựng thành phẩm, phôi thép và thép cuộn cán nóng đạt 2.17 triệu tấn, tăng 12% so với cùng kỳ 2021.

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB)

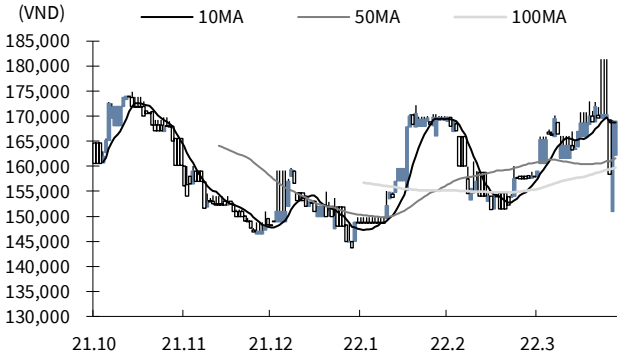

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SAB đứng giá ở mức 169,000 VND/cp

- V#DailyFocusTextLightQuý I, Sabeco đạt lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 1,171 tỷ đồng (+27.1% YoY), doanh thu 7,306 tỷ đồng, tăng 23.7% YoY nhờ tăng giá bán sản phẩm và có danh mục sản phẩm tối ưu hơn. Năm 2022, SAB đặt kế hoạch kinh doanh gồm lợi nhuận sau thuế 4,581 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện 2021 và doanh thu thuần 34,791 tỷ đồng, tăng 32% YoY.

27/04/2022

Chuyên viên phân tích Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Cập nhật ĐHCĐ năm tài chính 2021

Chúng tôi đã tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của GEG và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD sơ bộ quý 1/2022 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

Tổng kết năm 2021, doanh thu giảm nhẹ và LNST tăng 10% YoY

— Lũy kế cả năm 2021, doanh thu của GEG đạt 1,381 tỷ VND (-7.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 325 tỷ VND (+10.3% YoY). Sự khác biệt giữa tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đến từ biên lợi nhuận gộp của GEG được mở rộng thêm 5 điểm % lên 56% do sự đóng góp nhiều hơn của các mảng có biên lợi nhuận cao như điện gió và điện mặt trời, nhờ đó LNST của GEG đã vượt kế hoạch, đạt 125% so với kế hoạch đề ra năm 2021.

Kết quả kinh doanh Quý 1/2022 tăng trưởng tích cực nhờ đóng góp từ mảng điện gió

— Ban lãnh đạo GEG đặt kế hoạch năm 2022 cho doanh thu và LNTT lần lượt là 1,930 tỷ VNĐ (+39.8% YoY) và 345 tỷ VNĐ (-6.4% YoY). Cho biết về sự khác biệt giữa Doanh thu và LNTT, Ban lãnh đạo giải thích rằng năm 2022 là năm đầu tiên ghi nhận khấu hao và lãi vay của 3 dự án điện gió năm 2021, dẫn tới việc thu hẹp LNTT. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo cũng cho biết thêm đây là một kế hoạch thận trọng do sự không chắc chắn của loại hình điện gió và tự tin rằng GEG sẽ đạt được 400 tỷ LNTT cho năm 2022.

— Về kế quả kinh doanh Quý 1/2022, LNTT sơ bộ đạt 183 tỷ VNĐ (+123.2% YoY), hoàn thành 53% kế hoạch năm 2022. Điều này được giải thích nhờ vào việc vận hành của 3 nhà máy điện gió mới trong Quý 1/2022 so với Quý 1/2021. Cũng theo GEG, Quý 1 và Quý 4 sẽ là mùa gió thuận lợi cho các nhà máy điện gió nhờ vào tốc độ gió mạnh trong khoảng thời gian này.

Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 sẽ được đưa vào vận hành theo kế hoạch vào cuối năm 2022

— Theo chia sẻ từ Ban lãnh đạo, nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 (100 MW) với tổng mức đầu tư trước VAT là 4,500 tỷ VNĐ sẽ được khởi công trong Quý 2/2022 và hoạt động trong Quý 4/2022. Đây là dự án chuyển tiếp sau khi lỡ hạn cuối hoà lưới điện quốc gia để hưởng giá FIT vào ngày 30/11/2021. Tân Phú Đông 1 cũng được GEG tiến hành lắp đường dây và trạm biến áp như nhà máy cùng cụm là Tân Phú Đông 2 để sẵn sàng đưa vào khai thác. Do đó, Ban lãnh đạo kì vọng dự án này sẽ được tham gia đấu giá trực tiếp với EVN để xác định giá bán với kì hạn đấu giá 5 năm/lần. Theo ước lượng từ GEG, với giá bán điện mới giảm 10-15% so với giá FIT hiện nay thì dự án sẽ đạt mức IRR từ 10-12% và mức IRR cho cụm dự án Tân Phú Đông sẽ đạt khoảng 13-14%. Nhờ vào các thông tin dần rõ ràng, GEG cho biết ngân hàng VCB đã đồng ý thu xếp vốn cho dự án với tỷ lệ tài trợ vốn vay từ 70-73% trên tổng giá trị toàn dự án. Ngoài ra, GEG cũng thông tin thêm về dự án khác đang chờ được thu xếp vốn và chờ cơ chế giá bán điện mới là điện gió VPL Bến Tre 2 (30MW). Chúng tôi cho rằng, GEG sẽ mất một khoảng thời gian để có thể tìm nguồn thu xếp vốn cho dự án này khi Ban lãnh đạo công ty đề cập tới việc không có ý định dùng tới các nguồn hỗ trợ tín dụng cho phát triển xanh như các doanh nghiệp cùng ngành như PC1 và REE đang thực hiện. Ngoài ra, về dự án điện

Chuyên viên chiến lược đầu tư
Thái Hữu Công
congth@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm giằng co trong phiên trước khi dần hồi phục và mở rộng đà tăng điểm đến cuối phiên.

— Vùng hỗ trợ gần quanh 1320 (+-10) đã cho phản ứng như kỳ vọng và giúp cho chỉ số sớm lấy lại đà hồi phục tích cực. Mặc dù vậy, thanh khoản duy trì ở mức thấp cho thấy tâm lý còn lưỡng lự của nhà đầu tư và VNIndex có thể sẽ gặp phải áp lực điều chỉnh khi tiếp cận vùng kháng cự gần quanh 136x và xa hơn là 1400

— Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1422 - 1427
Kháng cự gần:	1422 - 1427
Hỗ trợ gần:	1372 - 1375
Hỗ trợ xa:	1355 – 1358

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm giằng co trong phiên trước khi dần hồi phục và mở rộng đà tăng điểm đến cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần quanh 1370 (+-10) đã cho phản ứng như kỳ vọng và giúp cho chỉ số sớm lấy lại đà hồi phục tích cực. Mặc dù vậy, F1 có thể sẽ gặp phải áp lực điều chỉnh khi tiếp cận vùng kháng cự gần quanh 140x và xa hơn là 142x
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở hoặc gia tăng thêm một phần tỷ trọng tại vùng hỗ trợ sâu.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cân điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.37%	0.61%
Tăng lũy kế (YTD)	-8.70%	-1.20%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

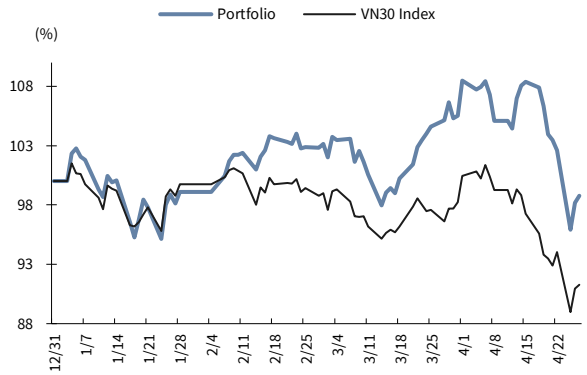

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	147,200	-1.1%	90.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	64,500	-2.1%	7.0%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	107,000	-0.4%	39.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	189,800	0.5%	-1.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	74,000	0.1%	117.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	103,000	-1.2%	253.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,300	2.4%	49.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,000	1.8%	51.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	42,500	3.2%	193.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	42,900	3.0%	213.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	-1.0%	16.7%	-44.9
DXG	3.8%	31.7%	-37.2
DIG	7.0%	2.3%	-36.9
VIC	0.0%	12.6%	-36.2
KBC	3.0%	19.1%	-35.0
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
DGC	1.8%	14.3%	-53.5
MSN	2.6%	28.5%	-62.9
BCM	-0.1%	2.6%	22.0
GAS	1.8%	2.9%	-24.3
CTG	2.4%	25.7%	5.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	1.7%	8.6%	2.3
GKM	1.2%	0.0%	0.5
PVI	0.6%	58.0%	0.2
IDV	0.2%	19.4%	0.2
QTC	-10.0%	17.9%	0.2
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
SHS	0.5%	8.3%	-0.5
AMC	-7.9%	5.7%	-0.2
TOT	0.8%	4.5%	-0.2
API	9.5%	0.1%	-0.1
VCS	1.0%	3.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%	GAS, PGV
Ngân hàng	0.0%	VCB, VPB
Ô tô và phụ tùng	-1.7%	TCH, SVC
Bất động sản	-1.8%	BCM, DXG
Dịch vụ tài chính	-2.2%	VND, OGC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Hóa chất	-9.3%	GVR, DGC
Công nghệ thông tin	-8.1%	FPT, CMG
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7.6%	PNJ, GIL
Bán lẻ	-7.4%	MWG, FRT
Dầu khí	-7.0%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-2.4%	MWG, AST
Thực phẩm và đồ uống	-2.5%	SAB, VCF
Bảo hiểm	-2.6%	MIG, BVH
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.6%	GAS, TMP
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.1%	MSH, TLG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Xây dựng và Vật Liệu	-22.3%	VGC, VCG
Truyền thông	-20.2%	YEG, ADG
Dịch vụ tài chính	-17.2%	SSI, VCI
Ô tô và phụ tùng	-16.9%	TCH, HHS
Dầu khí	-16.0%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	226,445 (9.9)	22.5	71.6	38.3	14.7	4.4	7.3	2.9	2.7	0.0	-1.6	-3.7	-18.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	317,021 (13.8)	26.6	7.9	6.8	35.9	24.6	22.7	1.8	1.4	0.0	-2.7	-14.4	-20.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	131,272 (5.7)	17.8	25.7	17.7	-7.6	9.0	11.6	2.1	2.0	-1.8	-0.5	-6.7	1.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	382,438 (16.7)	31.3	27.4	18.4	6.7	15.6	18.8	3.8	3.1	0.4	-0.1	-2.8	-10.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	62,365 (2.7)	11.6	21.6	17.4	13.7	13.7	14.4	2.5	2.2	0.1	-5.8	-11.8	-7.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	489,987 (21.4)	13.9	14.9	7.7	-	15.0	12.4	1.8	2.1	3.7	7.5	-22.6	2.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	98,231 (4.3)	6.3	14.7	12.0	11.7	20.1	21.4	2.7	2.3	1.2	4.0	-1.2	3.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	102,443 (4.5)	12.7	14.0	10.1	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	0.8	-2.0	-14.4	0.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	387,995 (16.9)	0.0	6.8	5.6	14.3	21.0	20.6	1.3	1.0	0.2	-3.4	-15.5	-16.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	165,603 (7.2)	1.4	6.9	5.8	50.3	20.1	20.9	1.2	1.1	2.4	-1.4	-12.1	-16.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	871,213 (38.0)	0.0	10.9	8.8	18.8	16.7	17.1	1.7	1.4	-1.2	2.1	-2.2	0.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	450,638 (19.7)	0.0	7.3	5.9	14.6	24.1	23.4	1.5	1.2	1.2	0.7	-6.6	2.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	108,916 (4.8)	4.2	7.0	5.7	23.3	21.8	21.1	-	-	2.0	-2.9	-10.6	-19.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	383,526 (16.8)	14.0	12.2	7.2	26.5	13.9	17.8	1.4	1.2	2.9	2.4	-16.2	-10.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	174,859 (7.6)	0.0	8.2	6.6	37.4	23.0	22.6	1.7	1.4	-0.4	-2.0	-12.8	-15.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	15,767 (0.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.2	-1.6	-16.3	-8.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	147,977 (6.5)	21.0	20.6	17.7	15.8	10.2	11.1	2.0	1.9	-0.6	-3.9	5.1	9.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	31,979 (1.4)	14.2	35.2	16.0	9.1	11.6	13.5	3.8	1.8	2.5	-1.5	-13.7	-16.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	357,057 (15.6)	55.4	15.4	14.5	-3.2	15.2	15.2	-	-	-0.3	-2.3	-20.8	-33.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	122,345 (5.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.9	-5.3	-28.5	-43.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	118,203 (5.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.2	-0.9	-23.4	-40.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	468,490 (20.5)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.0	3.0	0.3	-6.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	243,960 (10.7)	42.1	15.7	14.5	4.0	30.8	33.0	4.5	4.3	-1.2	-0.8	-0.3	-13.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	41,364 (1.8)	36.9	25.2	20.7	7.3	19.3	21.5	4.6	4.1	0.0	-1.7	7.3	11.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	146,176 (6.4)	16.5	31.6	22.3	-51.9	16.1	21.6	5.3	4.3	2.6	-4.3	-2.5	-16.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	110,124 (4.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.2	-1.5	-27.3	-39.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	102,171 (4.5)	11.0	112.3	22.6	-88.5	6.8	19.8	-	-	0.0	-9.2	-9.8	0.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	175,853 (7.7)	10.8	21.6	19.0	-57.0	12.2	13.6	2.5	2.3	3.5	-4.1	-2.7	12.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	210,424 (9.2)	38.4	8.0	10.5	65.7	14.1	9.3	1.1	1.1	-0.4	-6.0	-30.3	-50.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	100,169 (4.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.9	15.1	-50.7	-65.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	629,626 (27.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.7	1.8	-28.6	-30.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	93,807 (4.1)	3.6	12.5	9.2	-52.4	4.2	5.4	0.5	0.5	0.2	-8.1	-35.9	-46.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	77,442 (3.4)	0.0	11.6	9.6	-4.5	13.8	14.4	1.6	1.4	0.1	-7.5	-6.3	7.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	84,729 (3.7)	46.1	18.4	17.0	-17.5	20.4	19.5	3.7	3.5	1.8	4.1	0.3	15.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,999 (1.4)	31.4	11.3	9.7	-10.5	15.0	15.9	1.5	1.4	0.0	-7.2	-3.2	-14.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,944 (0.1)	34.1	13.8	8.6	-5.1	10.1	17.3	1.2	1.2	0.0	-4.3	-13.2	-21.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	784,488 (34.3)	18.0	6.6	6.3	21.9	29.9	23.1	1.6	1.3	3.2	-1.6	-8.4	-8.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	479,277 (20.9)	36.5	6.8	14.1	-0.5	31.6	15.2	1.9	1.9	-2.1	-7.9	-11.3	29.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	302,878 (13.2)	46.5	8.0	11.7	-4.5	29.9	17.6	2.1	1.9	-3.4	-11.6	-21.2	0.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	233,774 (10.2)	38.9	4.6	5.2	67.9	24.0	19.9	1.0	0.9	1.8	-4.0	-23.6	-22.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	99,229 (4.3)	97.2	13.1	11.7	17.2	7.0	7.6	0.9	0.9	1.5	-5.6	-29.3	-33.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	88,865 (3.9)	4.6	17.8	14.1	-51.0	14.1	15.9	1.8	1.8	1.0	-5.8	-13.8	-10.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	196,215 (8.6)	39.9	24.5	11.5	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.7	0.0	-13.7	-34.0	-21.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	94,351 (4.1)	35.9	7.4	6.3	2.2	16.5	16.4	1.1	0.9	0.8	-8.6	-23.2	-18.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	404,136 (17.6)	0.0	16.4	13.7	14.4	27.7	27.2	4.4	3.7	-1.1	-5.6	6.0	8.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	158,809 (6.9)	0.0	18.4	15.0	2.4	21.2	21.6	3.4	2.8	-0.4	-10.0	-1.1	11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,177 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	-4.4	-37.5	-28.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	162,339 (7.1)	30.3	18.0	15.0	-75.2	30.5	28.4	5.1	3.9	0.7	-13.1	-6.1	45.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	87,438 (3.8)	34.6	9.5	10.7	41.2	35.0	25.3	2.7	2.3	3.1	-11.2	-8.9	-0.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,013 (0.1)	45.4	16.5	15.2	10.7	20.1	19.9	3.1	2.8	-0.4	-2.3	-10.8	-12.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	426,221 (18.6)	0.0	18.5	14.8	15.5	26.9	28.5	4.5	3.9	-1.2	-8.0	7.6	10.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.